CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
DNP HOLDING	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2026/DNP-CBTT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: **- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

- Mã chứng khoán: DNP
- Địa chỉ: Toà nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0251.3836843

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 19/11/2026, Công ty Cổ phần DNP Holding cập nhật Điều lệ của Công ty (sau khi hoàn tất việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/11/2026 tại đường dẫn: https://dnpcorp.vn/ir

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

M.S.D.N: 3600662561 CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRỊNH KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING, L=Biên Hoà, Đồng Nai, ST=HÀ NỘI, UID=MST:3600662561
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.20 18:26:51+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

- 2026 -

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5

Điều 1. Định nghĩa 5

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 5

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 6

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 6

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 8

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 8

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông 8

Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần 9

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 10

Điều 8. Đăng ký chứng khoán và chuyển nhượng cổ phần 10

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT 10

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý 10

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 11

Điều 10. Quyền của cổ đông 11

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông 12

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông 12

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 13

Điều 14. Các đại diện được ủy quyền 14

Điều 15. Thay đổi các quyền liên quan đến cổ phiếu ưu đãi 15

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 20

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 23

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 23
Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 25
Điều 25. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 27
Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 28
Điều 27. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị 31
Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty 31
VIII. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 32
Điều 29. Hệ thống quản lý 32
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty 33
Điều 31. Ban Tổng giám đốc 34
Điều 32. Kế toán trưởng 35
Điều 33. Thư ký Công ty 35
IX. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 36
Điều 34. Nguyên tắc cẩn trọng 36
Điều 35. Nguyên tắc trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 36
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 37
X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 38
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 38
XI. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ KHÁC 38
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn 38
Điều 39. Tổ chức đoàn thể khác 38
XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 39
Điều 40. Cổ tức 39
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 39
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 39
Điều 42. Tài khoản ngân hàng 39
Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác 40
Điều 44. Năm tài khóa 40

Điều 45. Hệ thống kế toán 40
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 41
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 41
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 41
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY 41
Điều 48. Kiểm toán 41
XVI. CON DẤU 41
Điều 49. Con dấu 41
XVII. CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN 42
Điều 50. Công ty con, công ty thành viên 42
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 42
Điều 51. Chấm dứt hoạt động 42
Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/ hoặc cổ đông 42
Điều 53. Thanh lý 42
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 43
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ 43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 43
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 43
XXI. HIỆU LỰC 44
Điều 56. Bãi bỏ hiệu lực của Điều lệ cũ 44
Điều 57. Ngày hiệu lực 44
Điều 58. Ký điều lệ 44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các quy định có liên quan.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần DNP Holding;

b. "Điều lệ" có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần DNP Holding;

c. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

d. "Cổ đông" có nghĩa là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sở hữu ít nhất 1 cổ phần của Công ty;

e. "Hội đồng quản trị" hoặc "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

f. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

g. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;

h. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành luật này;

i. "Người quản lý" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Công ty;

j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, (các) Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

k. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật hoặc văn bản khác khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tham chiếu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

o Tên tiếng Anh: DNP HOLDING JOINT STOCK COMPANY

o Tên viết tắt: DNP HOLDING

o Mã chứng khoán: DNP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Công ty tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

o Địa chỉ: Toà nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong những khoảng thời gian Công ty không có Tổng Giám đốc (do Tổng Giám đốc cũ không còn đảm đương vị trí và Hội đồng quản trị chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới) thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là thay thế Người đại diện theo pháp luật của Công ty để quyết định, ký và thực hiện tất cả các quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng thời gian thay thế này không được quá 30 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc cũ không còn đảm đương vị trí. Trong thời hạn 30 ngày nêu trên, Hội đồng quản trị phải chính thức bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới và thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Công ty có thể thành lập công ty con, đầu tư, góp vốn vào các công ty thành viên; Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và thiết lập hệ thống đại lý, địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty và trong phạm vi pháp luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51 và Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ tính bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic. *Chi tiết: Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa*	2220 (chính)
2	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).	1410

	Chi tiết: Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu	
3	In ấn (Trừ in- tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi-dệt-may-đan)(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) *(Công ty chỉ thực hiện hoạt động in trên sản phẩm nhựa do Công ty sản xuất mà không thực hiện các hoạt động in theo quy định tại Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014)*	1811
4	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ in- tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi-dệt-may-đan).	1812
5	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất diêm quẹt*	2029
6	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao *Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới*	2395
7	*Xây dựng nhà để ở* *Chi tiết: Xây dựng nhà lắp ghép*	4101
8	Xây dựng nhà không để ở *Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng*	4102
9	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4212
10	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4222
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp	4299
12	Phá dỡ	4311
13	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14	Lắp đặt hệ thống điện.	4321
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí. *Chi tiết: xây dựng công trình nước, cấp thoát nước*	4322

16	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp*	4669
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường bộ	4933
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *Chi tiết:* *- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan.* *- Giám sát thi công xây dựng cơ bản.* *- Thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng, công nghiệp.* *- Thiết kế công trình giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước.* *- Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật (xử lý nước thải, rác thải, hệ thống tưới tiêu....)*	7110
19	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a. Đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật cho phép;

b. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty có thể đầu tư, góp vốn, hợp tác, cộng tác, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký nhằm tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho người lao động, các cổ đông, Công ty và toàn xã hội. Phát triển thêm các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác nếu điều kiện thực tế của Công ty và pháp luật cho phép.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 1.409.748.460.000 đồng (*Một nghìn bốn trăm linh chín tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 140.974.846 cổ phần (*Một trăm bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, tám trăm bốn mươi sáu cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10 Điều lệ này.

5. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty được đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp tại các ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được Công ty lưu trữ tại trụ sở theo quy định của pháp luật.

6. Do Công ty tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa, thời điểm cổ phần hóa đã quá ba năm so với ngày thông qua Điều lệ này, do đó những quy định đối với cổ đông sáng lập của Công ty không còn hiệu lực.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Toàn bộ cổ phần của Công ty đã được đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, trường hợp cổ đông không lưu ký hoặc rút lưu ký chứng khoán thì Công ty cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông trên cơ sở yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và

các thông tin khác theo quy định của khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty đã đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu đã phát hành trên Sở giao dịch chứng khoán, toàn bộ các giao dịch mua, bán, chuyển quyền sở hữu cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán.

4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ đông sở hữu cổ phần bị mất, bị rách, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại thì cổ đông có thể yêu cầu Công ty cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần theo yêu cầu của Công ty, thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty và cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận cổ đông sở hữu cổ phần mới. Sau mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, Công ty sẽ cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới thay thế.

5. Cho dù có quy định tại Điều 6.4 trên đây, những cổ đông chưa lưu ký phải giữ giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhòe, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự thư chào bán, chứng chỉ tạm thời), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Đăng ký chứng khoán và chuyển nhượng cổ phần

1. Công ty đăng ký toàn bộ cổ phần đã phát hành tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, trừ trường hợp Điều lệ này, pháp luật hoặc Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng quản trị có quy định khác.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Công ty hủy đăng ký niêm yết cổ phần trên Sở giao dịch chứng khoán, Hội đồng quản trị sẽ quy định thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần của Công ty.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông;

b. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;

c. Ban Tổng giám đốc;

d. Các công ty con, công ty thành viên hoặc doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn. Thẩm quyền quyết định thông qua mức vốn góp (hoặc vốn thành lập) vào công ty thành viên,

công ty con do Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật quyết định tùy thuộc vào mức độ góp vốn. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định cử người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty thành viên;

e. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể các Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty trên cơ sở đề nghị của Người đại diện theo pháp luật.

f. Người đại diện theo pháp luật có thẩm quyền thành lập, giải thể, tái cơ cấu các phòng, ban, phân xưởng và các đơn vị khác trực thuộc Công ty; và có thẩm quyền xây dựng mô hình, ban hành các chính sách đối với Đại lý của Công ty.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Thực hiện quyền dự họp và quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thông qua các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định của Công ty từng thời kỳ. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp Điều lệ này, pháp luật hoặc Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng quản trị có quy định khác;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các cổ phần loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

c. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều lệ này.

5. Các quyền của các cổ đông sở hữu các loại cổ phần khác sẽ do nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định, đầy đủ và đúng thời hạn;

3. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật thay đổi trong quá trình nắm giữ cổ phần;

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày

kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3b Điều 12 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 12 Điều lệ này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 12 này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 12 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Mức cổ tức đối với cổ phần từng loại;

e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua các quyết định về các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Điều chỉnh hoặc bổ sung Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

b. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Giải thể (thanh lý) Công ty;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Báo cáo tài chính gần nhất quy định tại khoản này được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập với thời hạn trước không quá 90 ngày tính đến ngày ra quyết định.

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;

n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng (cá nhân hoặc tổ chức) được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của công ty;

o. Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc người đại diện theo pháp luật và/hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông nêu tại Điều này, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và/hoặc quy định của Công ty và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và tuân thủ theo các quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp; Tại các cuộc họp mà do Hội đồng quản trị triệu tập, Hội đồng quản trị có thể ban hành quy chế cụ thể bằng văn bản cho phép việc ủy quyền qua điện thoại, fax hoặc email nếu đảm bảo được việc xác nhận được và lưu trữ được nội dung ủy quyền.

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện uỷ quyền cho người khác dự họp thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền liên quan đến cổ phiếu ưu đãi

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần

cùng loại.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4b Điều 12 hoặc Khoản 4c Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông ;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất trước 21 (hai mươi mốt) ngày tính đến ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Các tài liệu sau sẽ được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc phải được đăng tải trên website của Công ty chậm nhất là 21 ngày trước ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị (Trường hợp đã xác định được trước ứng viên);
- Phiếu biểu quyết;

3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông.

a. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm (hoặc thư báo phát) tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông (hoặc tới địa chỉ do Cổ đông cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin). Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp đồng thời phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

b. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông công bố trên website của Công ty có giá trị như Thông báo mời họp được gửi tận nơi đối với các các trường hợp sau đây: (i) cổ đông có địa chỉ không rõ ràng, hoặc (ii) cổ đông mà Công ty không có đủ thông tin địa chỉ để thực hiện gửi thông báo cho cổ đông; (iii) thông báo đã gửi cho cổ đông theo đúng địa chỉ nhưng bị trả về Công ty do không có người nhận.

c. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp có trước thông tin ứng viên);
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 16 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho từ 33% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong

trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này.

5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

a. Trực tiếp tham dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thông qua cuộc họp trực tiếp, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

b. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp gửi thư đảm bảo, Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trong trường hợp gửi fax, thư điện tử thì Hội đồng Quản trị có trách nhiệm bảo mật nội dung biểu quyết của cổ đông và bàn giao lại dữ liệu, thông tin cho Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện phần vốn góp tại Công ty, thì tổ chức đó có quyền ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa hoặc số hóa để việc biểu quyết và/hoặc kiểm phiếu có thể được thực hiện dựa trên sử dụng phần mềm máy tính hoặc phương tiện công nghệ, kỹ thuật số.

Việc biểu quyết và kiểm phiếu được thực hiện theo các phương thức sau đây: (i) Kiểm phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó kiểm phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu không có ý kiến; hoặc (ii) bằng việc sử dụng phần mềm máy tính và phương tiện công nghệ, kỹ thuật số; hoặc (iii) theo phương thức khác theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông và/hoặc được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Chủ tọa sẽ được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên như sau: (i) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc (ii) 1 thành viên do Hội đồng quản trị bầu ra. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không phải do Hội đồng quản trị triệu tập thì người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển Đại hội để bầu ra một chủ tọa.

Chủ tọa có quyền chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký đại hội;

Chủ tọa có quyền đề cử người vào Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó trừ khi đại hội cổ đông có quyết định khác.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 18 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập ĐHĐCĐ có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua trực tiếp tại cuộc họp hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản.

a) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

b) Quyết định việc trả cổ tức và tỷ lệ cổ tức;

c) Quyết định thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động quản trị trong năm và hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm;

d) Quyết định thông qua báo cáo tình hình, kết quả hoạt động trong năm (trong đó có báo cáo tài chính) và thông qua phương hướng, kế hoạch hoạt động của Công ty cho thời gian không quá 03 năm tiếp theo.

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; Báo cáo tài chính gần nhất quy định tại khoản này được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập với thời hạn trước không quá 90 ngày tính đến ngày ra quyết định.

h) Thay đổi, bổ sung ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

i) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

j) Thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty, sáp nhập, hợp nhất hoặc tổ chức lại, giải thể công ty.

k) Các nội dung khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua theo quy định sau:

a) Đối với các nội dung quy định tại điểm a, g, i, j của khoản 1 điều này được thông qua khi được tán thành bởi số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp hoặc trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

b) Các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết bằng tích của số cổ phần sở hữu nhân

với số thành viên dự kiến của hội đồng quản trị [ví dụ: *Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu có quyền biểu quyết, Công ty dự kiến bầu 5 thành viên hội đồng quản trị. Như vậy cổ đông A có (100 x 5) = 500 quyền bầu hội đồng quản trị mà không phụ thuộc vào số ứng cử viện hội đồng quản trị là nhiều hơn hay ít hơn 5*]. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.

4. Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch đối với cổ đông nội bộ theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông nội bộ và người liên quan đến cổ đông nội bộ không có quyền biểu quyết trong trường hợp này.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi cho cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết đảm bảo chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện

theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến đã được gửi đến đúng địa chỉ đăng ký của Cổ đông nhưng không được cổ đông gửi về Công ty theo đúng thời hạn quy định hoặc Phiếu lấy ý kiến không thể gửi được đến cho cổ đông (do không xác định được chính xác địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng,....) thì được coi là phiếu biểu quyết không hợp lệ.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật triển khai kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 150 Luật doanh nghiệp.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc Đại hội. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh nhưng nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dung trong trường hợp có mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh) có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Trường hợp, Chủ tọa đại hội và Thư ký từ chối ký biên bản Đại hội đồng cổ đông, thì biên bản họp phải ghi rõ việc từ chối ký đó và các thành viên khác của Hội

đồng quản trị tham dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ ký biên bản họp.

3. Trên cơ sở căn cứ vào nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông với các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm ban hành Nghị quyết tương ứng, thời hạn ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong cùng ngày với ngày Biên bản Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết đó.

4. Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc phải được gửi trực tiếp đến các cổ đông trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết được thông qua.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Toàn bộ Biên bản, Nghị quyết, danh sách cổ đông tham dự họp, phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tại mỗi kỳ bầu Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông phải quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác.

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

3. Ngoài các điều kiện trên, thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

f. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

g. Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quuy định pháp luật hiện hành.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông ứng cử, đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

5. Cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 23 khoản 2 trên đây.

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

7. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

8. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.

10. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm theo quy định tại Điều 12 Khoản 4 Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

11. Việc bầu, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo và công bố thông tin theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Người đại diện theo pháp luật và Ban tổng giám đốc của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác (Bao gồm nhưng không giới hạn hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi);

d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Báo cáo tại chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định.

g. Thông qua các giao dịch có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo

cáo tài chính gần nhất với các đối tượng thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bảo đảm và hợp đồng khác và vấn đề bồi thường thiệt hại từ các giao dịch, hoạt động của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác;

j. Quyết định thành lập, giải thể, tái cơ cấu các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện, các Phân xưởng của Công ty;

k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;

l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

m. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc;

n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng Quản trị trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị.

o. Thông qua các quy chế quản lý nội bộ của công ty trên cơ sở đề xuất của Ban Tổng giám đốc;

p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Quyết định phân bổ các quỹ của Công ty đúng với mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

r. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

s. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Kiến nghị việc hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

u. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

v. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

w. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn, mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

x. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

y. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

z. Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc đại diện theo pháp luật và/hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nêu tại Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính.

5. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc Người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một hoặc một số Phó Chủ tịch. Hội đồng quản trị có quyền bãi miễn chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị mà mình bầu ra.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ

tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn khác trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp đầu tiên trong nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quyết định theo đa số nhưng không nhất thiết phải quá bán.

2. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 26 phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 26 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ

chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung cần thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên (trừ trường hợp Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề cần biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc các hình thức khác không phải là bỏ phiếu kín).

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 26, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ vẫn được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 26, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 5a Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều 26 Khoản 12 này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực như các quyết định được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

13. Lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị. Việc gửi phiếu lấy ý kiến bằng văn bản có thể thực hiện bằng đường chuyển phát nhanh hoặc email hoặc fax hoặc kết hợp các hình thức trên. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy kiến bằng văn bản phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực như nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua tại mội cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký Chủ tọa và thư ký cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán. Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các

quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 27. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ủy ban kiểm toán.

3. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

4. Quyền hạn của Ủy ban kiểm toán:

- Được Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty trong quá trình kiểm tra, giám sát.
- Được sử dụng tư vấn độc lập, đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Được quyền đề xuất việc tuyển dụng hoặc sử dụng nhân sự của Công ty để hỗ trợ các công việc hành chính, việc triệu tập các cuộc họp và soạn thảo các báo cáo, tài liệu do Ủy ban kiểm toán thực hiện. Trong trường hợp này, trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Người đại diện theo pháp luật sẽ quyết định bổ nhiệm trợ lý hoặc thư ký của Ủy ban kiểm toán.

5. Hội đồng Quản trị xây dựng cơ chế và ban hành các văn bản, chính sách liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ủy ban kiểm toán đảm bảo tính hiệu quả theo đúng quy định pháp luật.

Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Hệ thống quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó tạo nên một bộ máy quản lý do Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Các chức danh quản lý khác trong Công ty bao gồm: các Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Luật sư công ty, Giám đốc chi nhánh, trưởng/ phó phòng/ban, quản đốc phân xưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty sẽ do Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.

Cán bộ, công nhân viên trong Công ty do Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của

Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, chấm dứt tuyển dụng, sa thải.

Cán bộ, công nhân viên trong Công ty có thể kiêm nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị (khi được Đại hội đồng cổ đông bầu) mà không bị giới hạn bởi vị trí công việc đang làm.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc sẽ đồng nghĩa với quyết định bổ nhiệm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền hạn, nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định, ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

c. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định thành lập công ty con, góp vốn, mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định.

d. Thông qua các giao dịch có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

e. Ban hành và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về hệ thống thang bảng lương và chế độ đãi ngộ và các điều kiện lao động trong Công ty.

f. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị về mức lương, điều kiện làm việc, thời hạn hợp đồng lao động và các chế độ đãi ngộ khác (nếu có) của các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp bổ nhiệm.

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động trong Công ty, ngoại trừ Tổng Giám đốc.

h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công

ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền cho các thành viên khác trong Ban Tổng giám đốc, và các chức danh quản lý khác trong Công ty thực hiện thay một hoặc một số các quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật.

Điều 31. Ban Tổng giám đốc

1. Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên khác trong Ban Tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc một mảng công việc của Công ty.

2. Trước khi Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty đưa ra quyết định, các thành viên Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ cùng thảo luận và thống nhất những công việc trọng yếu sau của Công ty:

- Lập kế hoạch chiến lược về nhân sự của Công ty. Xác định số lượng nhân sự (nhân sự quản lý và cán bộ, công nhân viên) trong Công ty trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo thực hiện đạt được hoặc vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao. Trong từng giai đoạn cụ thể, số lượng cán bộ quản lý trong Công ty phải được hoạch định theo nguyên tắc sau: (i) Số lượng và chất lượng cán bộ quản lý phải phù hợp với yêu cầu của công việc cần quản lý; (ii) Đạo đức cán bộ quản lý phải minh bạch, liêm khiết và mẫn cán với công việc; (iii) Cán bộ quản lý phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị mà mình quản lý; (iv) Trung thành với Công ty.
- Lập kế hoạch kinh doanh cho các năm tài chính, hàng quý, hàng tháng.
- Bàn bạc và đề xuất việc ký kết liên quan đến phương án, dự án đầu tư quan trọng hoặc bán tài sản có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty.
- Đề xuất các chức danh nhân sự thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.
- Thực hiện các chiến lược, kế hoạch công việc trong năm của Công ty mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

3. Tùy thuộc vào nội dung cụ thể, Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền yêu cầu Kế toán trưởng, Thư ký công ty, Luật sư công ty, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Trưởng phòng, Giám đốc (quản đốc) phân xưởng và các cán bộ quản lý khác có thể tham dự các cuộc họp bàn về các nội dung quy định tại khoản 2 điều này.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo

thường niên của Công ty.

b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc/người đại diện theo pháp luật bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Kế toán trưởng chịu sự điều hành và quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ sau đây:

a. Thiết lập, tổ chức và quản lý hệ thống kế toán phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty.

b. Quản lý và thực hiện toàn bộ hoạt động hạch toán, kế toán, thu, chi kế toán, lưu trữ số sách chứng từ kế toán của Công ty theo đúng chuẩn mực kế toán và theo quy định pháp luật hiện hành.

c. Báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện trước Tổng giám đốc về việc thực hiện các nghĩa vụ thuế có liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

d. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của kế toán viên, thủ quỹ, thủ kho. Phổ biến các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động hạch toán, kế toán trong Công ty.

e. Trong trường hợp có yêu cầu, Kế toán trưởng báo cáo trực tiếp Hội đồng quản trị về những thông tin, tình hình tài chính của Công ty.

3. Kế toán trưởng không phải là người có liên quan đến Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc Công ty và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Điều 33. Thư ký Hội đồng Quản trị

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị bổ nhiệm thư ký Hội đồng Quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Thư ký Hội đồng Quản trị.

2. Thư ký Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. Thư ký Hội đồng Quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 4. Trừ những thời gian làm thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Thư ký Hội đồng Quản trị chịu sự điều hành và quản lý của Tổng giám đốc trong công việc hàng ngày. Thư ký Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm công việc khác trong Công ty theo phân công của Tổng giám đốc.

IX. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 34. Nguyên tắc cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 35. Nguyên tắc trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo

tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Cán bộ cấp trên không được dùng vị thế công việc của mình để gây áp lực cho cấp dưới nhằm trục lợi cá nhân. Tôn trọng lợi ích của Công ty, không được tham ô tài sản của Công ty, không được thực hiện bất kỳ hành vi nào, dưới bất kỳ hình thức nào nhằm mục đích biến tài sản, lợi ích của Công ty thành tài sản, lợi ích của cá nhân.

8. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

9. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo thẩm quyền cho phép.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm các nguyên tắc quy định tại Điều 35 và 36 Điều lệ này thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua

bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao chứng thực của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu tương ứng, các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ KHÁC

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty.

Công ty phải tổ chức, thiết lập công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 39. Tổ chức đoàn thể khác

Công ty khuyến khích toàn thể cán bộ, công nhân viên tham gia vào Đảng cộng sản Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức đoàn thể xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty tạo điều kiện, không ngăn cản hoạt động của các tổ chức nêu trên trong nội bộ Công ty theo nguyên tắc đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán/tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Thời hạn trả cổ tức bằng tiền sẽ phải được thực hiện trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày quyết định trả cổ tức bằng tiền có hiệu lực.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ của công ty hoặc do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng mà cổ đông đó đã đăng ký với Công ty. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ đông đã thực hiện lưu ký cổ phiếu của mình tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ được thực hiện chi trả thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức mà cổ đông được nhận.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách hưởng quyền. Căn cứ theo ngày đó, những cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền tham dự đại hội cổ đông, nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc quyền khác theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Ngày chốt danh sách có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại tối thiểu một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước

ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. Công ty cũng có thể thực hiện các phương thức thanh toán và giao dịch khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và/ hoặc Tổng giám đốc.

Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác

Hàng năm, Công ty có thể trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thực tế, hàng năm Hội đồng quản trị có thể đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các quỹ theo quy định sau:

- Quỹ phúc lợi khen thưởng không quá 10% lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty. Quỹ này được sử dụng để tạo phúc lợi, khen thưởng cho cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty. Việc sử dụng quỹ do Tổng giám đốc đề xuất trình Hội đồng quản trị quyết định.
- Quỹ khen thưởng do vượt mức kế hoạch được giao sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định vào trước mỗi năm kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Quỹ đầu tư, phát triển không quá 10% lợi nhận sau thuế hàng năm của Công ty. Quỹ này được sử dụng nhằm mục đích mở rộng đầu tư, tìm kiếm các cơ hội khác nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho Công ty. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định việc sử dụng quỹ.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập và hoàn thành việc kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

2. Trường hợp cổ phiếu Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thì Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Luật chứng khoán.

3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo thường niên và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ lựa chọn một hoặc một vài công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và đủ tiêu chuẩn kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán.

2. Thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Kết quả kiểm toán (thư kiểm toán) phải được đính kèm báo cáo tài chính sau khi kiểm toán.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

XVI. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Con dấu là tài sản của Công ty và được khắc và sử dụng theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ quy định luật pháp hiện hành.

2. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN

Điều 50. Công ty con, công ty thành viên

1. Công ty có thể thành lập một hoặc nhiều công ty con thuộc sở hữu 100% vốn của mình; hoặc tham gia góp vốn vào một hoặc nhiều công ty khác. Việc góp vốn thành lập công ty con hoặc góp vốn vào công ty khác do Hội đồng quản trị hoặc Đại diện theo pháp luật tùy thuộc vào mức độ vốn góp.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền cử người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty thành viên. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp chỉ định người quản lý, điều hành đối với công ty con. Đối với công ty thành viên mà Công ty sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên thì Hội đồng quản trị có thể chỉ đạo người đại diện vốn của Công ty thực hiện đề cử và bầu người điều hành công ty thành viên.

3. Hàng năm, người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con, công ty thành viên mà Công ty sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên thực hiện lập báo cáo tài chính để hợp nhất với báo cáo tài chính của Công ty đúng thời hạn và theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b. Giải thể Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/ hoặc cổ đông

Trừ khi pháp luật hiện hành có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa tổng số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể công ty sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 53. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên được chỉ định trong số cổ đông hoặc người quản lý hoặc nhân

viên Công ty và một thành viên được chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ủy ban kiểm toán chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài hoặc Toà án có thẩn quyền của Việt Nam để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. HIỆU LỰC

Điều 56. Bãi bỏ hiệu lực của Điều lệ cũ

Các Bản điều lệ Công ty cổ phần DNP Holding và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung của các Bản điều lệ được ký, ban hành trước đây sẽ hết hiệu lực kể từ thời điểm bản Điều lệ này có hiệu lực.

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 58 điều. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 19/11/2026
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau, được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

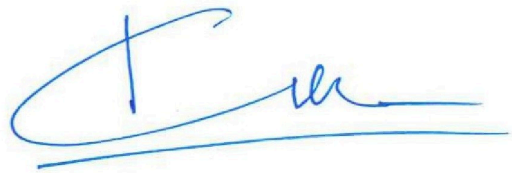
Điều 58. Ký điều lệ

Tổng Giám đốc - Người đại diện theo Pháp luật của Công ty ký ban hành Điều lệ này.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH KIÊN